

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 87/2023/HS-ST

Ngày 08 - 12 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Oanh.

Bà Nguyễn Thị Nhiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tùng, Kiểm sát viên.

Ngày 08/12/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 70/2023/TLST-HS ngày 03/10/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 81/2023/QĐXXST-HS ngày 30/10/2023, các Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2023/HSST-QĐ ngày 10/11/2023 và số 23/2023/HSST-QĐ ngày 24/11/2023, đối với bị cáo:

Trần Thị Q, sinh ngày 04/9/1972 tại Thái Bình; nơi cư trú: Thôn L, xã TA, huyện V, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; căn cước công dân số: 03417201XXX; con ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị B; có chồng là Phạm Văn H và có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 25/4/2023 đến ngày 04/5/2023 chuyển tạm giam, ngày 22/6/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh, hiện tại ngoại. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Đỗ Xuân Q, sinh năm 1971; nơi cư trú: Thôn Q1, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)
2. Anh Lê Văn T, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn CP, xã VP, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)
3. Anh Trương Văn P, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn G, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)
4. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn G, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị Q không có giấy phép kinh doanh trong hoạt động tín dụng, cho vay. Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2020 đến tháng 7/2021, Q đã cho anh Đỗ Xuân Q, anh Lê Văn T, anh Trương Văn P và anh Nguyễn Văn D vay tiền với mức lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với lãi suất là 108%/năm, gấp 5,4 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Q đưa tiền vay cho người vay bằng tiền mặt và chuyển khoản. Trước khi cho vay, Q và những người vay tiền cùng thống nhất lãi trả theo tháng, nếu chưa trả tiền gốc thì hằng tháng phải đóng tiền lãi. Hình thức trả tiền lãi có thể trả bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng. Khi vay tiền, Q không yêu cầu người vay tiền phải viết giấy vay tiền hay thế phải thế chấp bất cứ tài sản, đồ vật, giấy tờ gì. Cụ thể các lần vay tiền như sau:

- Lần thứ nhất: Tháng 5/2020, Trần Thị Q cho anh Nguyễn Văn D vay số tiền 30.000.000 đồng bằng hình thức đưa tiền mặt tại nhà Q. Từ tháng 6/2020 đến tháng 7/2021, mỗi tháng anh D trả tiền lãi cho Q là 2.700.000 đồng. Anh D trả tiền lãi bằng đưa tiền mặt và chuyển khoản từ số tài khoản 0211000542050 tại Ngân hàng Vietcombank của anh D đến số tài khoản 0211000552013 tại Ngân hàng Vietcombank của Q. Tháng 7/2021, anh D đã trả hết tiền vay gốc cho Q. Số tiền lãi Q thu của anh D là 37.800.000 đồng, trong đó, số tiền lãi theo

quy định của Bộ luật Dân sự là 6.997.200 đồng, số tiền Q thu lợi bất chính là 30.802.800 đồng.

- Lần thứ hai: Tháng 3/2022, Trần Thị Q cho anh Đỗ Xuân Q vay số tiền 150.000.000 đồng bằng hình thức đưa tiền mặt. Trong các tháng 4, 5, 6/2022, anh Q đã trả tiền lãi cho Q mỗi tháng 13.500.000 đồng bằng hình thức đưa tiền mặt. Tháng 6/2022, Q xây nhà, anh Q chở vật liệu xây dựng cho Q và trừ vào số tiền gốc đã vay là 100.000.000 đồng, còn nợ lại 50.000.000 đồng. Sau do anh Q khó khăn nên Q không thu tiền lãi của khoản vay 50.000.000 đồng nữa. Tổng số tiền lãi Q thu của anh Q là 40.500.000 đồng, trong đó, số tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự là 7.497.000 đồng, số tiền Q thu lợi bất chính là 33.003.000 đồng. Số tiền gốc cho vay 50.000.000 đồng, anh Q chưa trả cho Q.

- Lần thứ ba: Ngày 14/5/2022, Trần Thị Q cho anh Trương Văn P vay số tiền 20.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản số 0211000552013 tại Ngân hàng Vietcombank của Q đến số tài khoản 47110001437011 tại Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh tại tỉnh Thái Bình của anh P. Từ tháng 6/2022 đến tháng 9/2022, mỗi tháng anh P trả tiền lãi cho Q số tiền 1.800.000 đồng. Ngày 07/9/2022, Q cho anh P vay thêm số tiền 20.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản. Tháng 10/2022, anh P trả Q 3.600.000 đồng tiền lãi. Ngày 07/10/2022, Q cho anh P vay thêm số tiền 20.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản. Từ tháng 11/2022 đến tháng 3/2023, mỗi tháng anh P trả tiền lãi cho Q số tiền 5.400.000 đồng. Số tiền lãi, anh P đưa tiền mặt và chuyển khoản cho Q. Đến tháng 4/2023, do khó khăn nên anh P xin Q không đóng tiền lãi và trả tiền gốc, Q đồng ý. Tổng số tiền lãi Q thu của anh P là 37.800.000 đồng, số tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự là 6.997.200 đồng, số tiền Q thu lợi bất chính là 30.802.800 đồng. Số tiền gốc cho vay 60.000.000 đồng, anh P chưa trả cho Q.

- Lần thứ 4: Tháng 10/2022, Trần Thị Q cho anh Lê Văn T vay số tiền 20.000.000 đồng bằng hình thức đưa tiền mặt. Từ tháng 11/2022 đến tháng 3/2023, mỗi tháng anh T trả tiền lãi cho Q số tiền 1.800.000 đồng bằng hình thức chuyển vào số tài khoản 0211000552013 tại Ngân hàng Vietcombank của

Q. Tháng 4/2023, do khó khăn, anh T xin tiền lãi và trả tiền gốc, Q đồng ý. Số tiền lãi Q thu của anh T là 9.000.000 đồng, số tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự là 1.666.000 đồng, số tiền lãi Q thu lợi bất chính là 7.334.000 đồng. Số tiền gốc vay 20.000.000 đồng, anh T đã trả cho Q.

Chiếc điện thoại di động Trần Thị Quyên sử dụng để đăng nhập tài khoản ngân hàng, Quyên khai đã bị rơi mất, không tìm thấy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình không thu giữ được.

Cáo trạng số 72/CT-VKSVT ngày 02/10/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình để xét xử đối với Trần Thị Q về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Trần Thị Q khai nhận toàn bộ hành vi như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Thị Q phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Áp dụng các khoản 2, 3 Điều 201, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Q từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng. Giao bị cáo Q cho UBND xã TA giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt tiền bổ sung bị cáo Q từ 30 triệu đến 35 triệu sung ngân sách nhà nước. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Buộc bị cáo Q nộp lại số tiền: 173.157.400 đồng để sung ngân sách nhà nước, bao gồm: 150.000.000 đồng là tiền bị cáo sử dụng để cho vay lãi nặng; 23.157.400 đồng là tiền lãi theo quy định của nhà nước bị cáo đã thu của những người vay tiền. Buộc bị cáo Q trả lại 101.942.600 đồng thu lợi bất chính cho người có quyền nghĩa vụ liên quan gồm: Trả lại anh D: 30.802.800 đồng; trả lại anh T: 7.334.000 đồng; trả lại anh P: 30.802.800 đồng; trả lại anh Q 33.003.000 đồng. Buộc anh Q nộp lại số tiền 50 triệu đồng, anh P nộp lại số tiền 60 triệu đồng đã vay của bị cáo Q để sung ngân sách nhà

nước. Tiếp tục quản lý số tiền 70 triệu đồng, bị cáo đã nộp khắc phục bồi thường hậu quả. Căn cứ khoản 2 Điều 130 Bộ luật Tố tụng hình sự, huỷ bỏ Lệnh phong toả tài khoản số 03/LPT-CSĐT ngày 09/5/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh Thái Bình đối với số tiền trong tài khoản 0211000552013 tại Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Thái Bình đứng tên Trần Thị Q. Bị cáo Q phải chịu áp phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Trần Thị Q đồng ý với tội danh Viện kiểm sát đã truy tố và không có ý kiến tranh luận đối với bản luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo Trần Thị Q nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức ra hành vi sai phạm của mình, bị cáo rất hối hận, xin hứa sẽ không tái phạm, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được tự cải tạo ngoài xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị Q khai nhận toàn bộ hành vi như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với sao kê tài khoản Ngân hàng Cổ phần Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Thái Bình của Trần Thị Q, sao kê chi tiết giao dịch tại Ngân hàng Vietcombank của anh Nguyễn Văn D và biên bản ghi lời khai của anh Đỗ Xuân Q, anh Lê Văn T, anh Trương Văn P và anh Nguyễn Văn D. Ngoài ra, còn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2020 đến tháng 4/2023, Trần Thị Q đã cho anh Nguyễn Văn D, anh Đỗ Xuân Q, anh Trương Văn P, anh Lê Văn T vay tổng số tiền là 260.000.000 đồng với mức lãi suất

3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với lãi suất là 108%/năm, gấp 5,4 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự là 20%. Tổng số tiền lãi Q đã thu của anh D, anh Q, anh P, anh T là 125.100.000 đồng, trong đó, số tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự là 23.157.400 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 101.942.600 đồng. Hành vi trên của bị cáo Trần Thị Q đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

[3] Điều 201. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự quy định:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

[4] Đánh giá về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo Trần Thị Q, thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, làm ảnh hưởng đến thị trường tín dụng, ảnh hưởng đến quyền lợi của công dân. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi do mình thực hiện, nhưng vì háms lòng nên vẫn cố ý thực hiện hành vi cho vay tổng số tiền là 260.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với lãi suất là 108%/năm, gấp 5,4 lần so với lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, nhằm thu lợi bất chính số tiền 101.942.600 đồng.

[5] Đánh giá về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Trần Thị Q, thấy: Bị cáo phạm tội nhiều lần nên bị áp dụng tình tiết tăng

nặng “Phạm tội 2 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo xuất trình biên lai nộp tiền khắc phục hậu quả, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo có bố được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhất, do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân đối với bị cáo Trần Thị Q, thấy: Bị cáo có 01 tiền sự vào năm 2010 về hành vi mua bán pháo cho người khác nhưng đã được xóa nên được xác định là chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo xuất thân từ người lao động thuần túy, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, việc cho bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách phù hợp, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

[7] Khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự còn quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề, hoặc công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”*. Xét thấy, bị cáo Trần Thị Q thực hiện hành vi phạm tội để thu lợi bất chính nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Bị cáo Q không có nghề nghiệp ổn định nên không cấm hành nghề, hoặc công việc nhất định đối với bị cáo.

[8] Về biện pháp tư pháp và về các vấn đề khác: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 130 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị Quyết 01/2021/NQ- HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[8.1] Đối với số tiền 173.157.400 đồng (trong đó 150.000.000 đồng là tiền bị cáo Trần Thị Q dùng để cho vay và 23.157.400 đồng là số tiền lãi tương ứng

với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo Q đã thu của người vay), nay cần buộc bị cáo Q nộp lại để sung ngân sách nhà nước.

[8.2] Đối với số tiền lãi bị cáo Trần Thị Q thực tế đã thu của những người vay tiền, cụ thể: Thu của anh D 30.802.800 đồng, thu của anh T 7.334.000 đồng, thu của anh P 30.802.800 đồng, thu của anh Q 33.003.000 đồng. Quá trình điều tra xác định, đó là tiền bị cáo Q thu lợi bất chính của những người vay tiền, do đó, buộc bị cáo Q phải trả lại cho anh D, anh T, anh P và anh Q số tiền trên.

[8.3] Đối với số tiền 50.000.000 đồng anh Q vay của bị cáo Q, số tiền 60.000.000 đồng anh P vay của bị cáo Trần Thị Q. Quá trình điều tra xác định, anh Q, anh P chưa trả bị cáo Q số tiền này, do đó, cần buộc anh Q, anh P nộp lại số tiền trên để tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[8.4] Đối với số tiền trong tài khoản 0211000552013 tại Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Thái Bình đứng tên Trần Thị Q, quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, căn cứ khoản 2 Điều 130 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần huỷ bỏ Lệnh phong tỏa tài khoản số 03/LPT-CSĐT ngày 09/5/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh Thái Bình đối với số tiền trong tài khoản 0211000552013 tại Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Thái Bình đứng tên Trần Thị Q.

[8.5] Đối với số tiền 70.000.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0001012 đề ngày 08/12/2023 tại Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình là khoản tiền bị cáo Trần Thị Q nộp để khắc phục hậu quả nay cần giao cho Cơ quan Chi cục Thi hành án huyện V, tỉnh Thái Bình tiếp tục quản lý số tiền trên để thực hiện nghĩa vụ thi hành án cho bị cáo.

[9] Về án phí: Bị cáo Trần Thị Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Thị Q và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Thị Q phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 38, Điều 65, Điều 35 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Thị Q 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 08/12/2023). Giao bị cáo Trần Thị Q cho UBND xã TA, huyện V, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Phạt bổ sung bị cáo Trần Thị Q số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) sung ngân sách nhà nước.

3. Về biện pháp tư pháp và về các vấn đề khác: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 130 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị Quyết 01/2021/NQ- HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

3.1. Buộc bị cáo Trần Thị Q phải nộp lại số tiền 173.157.400 đồng (một trăm bảy mươi ba triệu một trăm năm mươi bảy nghìn bốn trăm đồng) (trong đó, 150.000.000 đồng là tiền bị cáo dùng để cho vay và 23.157.400 đồng là số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu của người vay) để tịch thu sung ngân sách nhà nước.

3.2. Buộc bị cáo Trần Thị Q phải trả lại những người có quyền nghĩa vụ liên quan số tiền bị cáo đã thu lợi bất chính của những người vay tiền, cụ thể:

3.2.1. Trả lại anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn G, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình số tiền 30.802.800 đồng (ba mươi triệu tám trăm lẻ hai nghìn tám trăm đồng);

3.2.1. Trả lại anh Lê Văn T, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn CP, xã VP, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình số tiền 7.334.000 đồng (bảy triệu ba trăm ba mươi bốn nghìn đồng);

3.2.3. Trả lại anh Trương Văn P, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn G, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình số tiền 30.802.800 đồng (ba mươi triệu tám trăm lẻ hai nghìn tám trăm đồng);

3.2.4. Trả lại anh Đỗ Xuân Q, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn Q1, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình số tiền 33.003.000 đồng (ba mươi ba triệu không trăm lẻ ba nghìn đồng).

3.3. Buộc anh Đỗ Xuân Q, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn Q1, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình phải nộp lại số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và anh Trương Văn P, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn G, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình phải nộp lại số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) là số tiền anh Q, anh P đã vay của bị cáo Trần Thị Q, chưa trả, để tịch thu sung ngân sách nhà nước.

3.4. Huỷ bỏ Lệnh phong toả tài khoản số 03/LPT-CSĐT ngày 09/5/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh Thái Bình đối với số tiền trong tài khoản 0211000552013 tại Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Thái Bình đứng tên Trần Thị Q.

3.5. Tiếp tục quản lý số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) bị cáo Trần Thị Q đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0001012 đề ngày 08/12/2023 tại Cơ quan Chi cục Thi hành án huyện V, tỉnh Thái Bình để thực hiện nghĩa vụ thi hành án cho bị cáo.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Trần Thị Q phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo Trần Thị Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 08/12/2023). Những người có quyền lợi, nghĩa

vụ liên quan là anh Đỗ Xuân Q, anh Lê Văn T, anh Trương Văn P và anh Nguyễn Văn D có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra và Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Thái Bình;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy Dương

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan CSĐT và Cơ quan THAHS Công an huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dương

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dương

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra và Cơ quan
Thi hành án hình sự Công an cùng cấp;
- Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự
cùng cấp;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dương

Bị cáo Trần Thị Q không có giấy phép kinh doanh trong hoạt động tín dụng, cho vay nhưng vẫn thực hiện cho vay tiền để thu lãi, cụ thể: Từ tháng 5/2020 đến tháng 7/2021, Q cho anh D vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với lãi suất là 108%/năm, gấp 5,4 lần so với lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền 30.802.800 đồng. Từ tháng 3/2022 đến tháng 6/2022, Q cho anh Q vay số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với lãi suất là 108%/năm, gấp 5,4 lần so với lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền 33.003.000 đồng. Từ tháng 5/2022 đến tháng 3/2023, Q cho anh P vay số tiền 60.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với lãi suất là 108%/năm, gấp 5,4 lần so với lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền 30.802.800 đồng. Từ tháng 10/2022 đến tháng 3/2023, Q cho anh T vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với lãi suất là 108%/năm, gấp 5,4 lần so với lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền 7.334.000 đồng. Tổng số tiền Q cho anh D, anh Q, anh P và anh T vay